Đại Kinh Nguyên Thủy

Bài 11: Kinh 35.95 trong Kinh Tương Ưng

Dạy Cách Chấm Dứt Sanh Tử

Giảng ngày: 23/09/2026

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang:

https://www.youtube.com/watch?v=BL2eV0nI_50&list=PLAf-wMx-Id7aHF4W5UyPy8_EG4NCivjzd

và mạng xã hội Facebook: Fanpage Thích Thiện Trang

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Kính chào toàn thể quý vị! Hôm nay là bài 11 của chuyên đề Đại Kinh Nguyên Thủy. Hôm nay, chúng ta tiếp tục chia sẻ về một bài kinh trong Kinh Tương Ưng Bộ.

Kinh Māluṅkyaputta
(Kinh số 35.95 trong Kinh Tương Ưng)
Dạy Cách Chấm Dứt Sinh Tử

[Đoạn 1: Mở đầu – lời thỉnh pháp của 1 vị Tỳ-kheo]

Rồi Tôn giả Māluṅkyaputta đi đến Thế Tôn…

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Māluṅkyaputta bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần..

Mở đầu bài Kinh này, có một vị Tỳ-kheo già, lớn tuổi rồi, tới bạch Đức Phật, mong Đức Phật giảng pháp nói ngắn gọn vắn tắt, để sau khi nghe xong còn lãnh hội được. Thì sẽ đi thực hành sống một mình, để an tịnh nơi vắng vẻ, thực hành tu hành. Đây là lời thỉnh của một vị Tỳ-kheo.

[Đoạn 2: Đức Phật trả lời]

Ở đây, này Māluṅkyaputta, nay Ta nói gì với các Tỷ-kheo trẻ tuổi, khi ông là một Tỷ-kheo già yếu, niên cao, đại lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến cuối cuộc đời, lại yêu cầu Ta giáo giới một cách vắn tắt?

Tức là Đức Phật hỏi tại sao lại yêu cầu dạy ngắn, trong khi ông già rồi, như vậy thì sẽ khó nói chuyện với những vị Tỳ-kheo trẻ. Vị Tỳ-kheo này nói như sau:

- Bạch Thế Tôn, dù cho con già yếu, niên cao, đại lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến cuối cuộc đời, mong Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con! Mong Thiện Thệ hãy thuyết pháp vắn tắt cho con! Chắc chắn con sẽ hiểu ý nghĩa lời Thế Tôn giảng. Chắc chắn con sẽ trở thành người thừa tự pháp của Thế Tôn.

Tức là vị Tỳ-kheo này đúng là già rồi, nhưng tin rằng với những điều Đức Phật giảng vắn tắt thôi, ngắn gọn thôi, cũng có thể hiểu được, nắm bắt được và sẽ là người thừa tự pháp (tức là người kế thừa pháp của Phật). Giống như người trẻ thì người ta có thể nghe được nhiều, bây giờ già rồi, không muốn nghe nhiều nữa, muốn nghe ngắn thôi, đúng không quý vị?

Nhưng ngắn thì sẽ không rõ ràng. Đức Phật giảng nhiều, cho nên tại sao học nhiều là vậy đó. Chúng ta có nhiều khi, nhiều đồng tu lơ là, nghĩ là thôi biết rồi, học một cách qua loa. Nhưng thực tế không phải! Có những điều mình nghe, mình tưởng là mình hiểu, nhưng không có hiểu. Vì thực tế, nếu quý vị hiểu thật sự thì quý vị ít nhất cũng phải kiến đế [thành] Tu-đà-hoàn. Chứ đây, mình nghe xong, mình không hiểu mà mình bỏ qua. Tại vì do cuộc sống quá nhiều bận rộn, rồi mình chạy theo những pháp trần, chạy theo nghe người này giảng, người kia giảng. Cho nên mình không có thời gian để quay lại xem thử coi, trong bài giảng đó, trong kinh đó có những chỗ nào khúc mắc mình chưa hiểu, thì mình phải tìm hiểu. Quý vị nghe xong bài kinh, quan trọng là quý vị phải thấy là mình còn khúc mắc chỗ nào, chưa hiểu chỗ nào, chưa rõ ràng chỗ nào, chỗ nào hiểu mơ mơ thì mình phải làm sao cho sáng tỏ, mình sẽ tìm cách thảo luận, hỏi thêm, nghe đi nghe lại v.v… Thì như vậy mới được lợi ích.

Chứ còn mình nghe xong, mình coi như một bài gọi là giải trí, giống như uống ly nước cho đã khát, rồi không có giải quyết được. Đây là kinh nghiệm nghe pháp, cố gắng hãy nghe và nhớ là điều nào chưa hiểu thì phải tìm hiểu cho chắc, để hiểu. Không quan trọng là nghe nhiều, mà nghe đâu nắm được đó. Người nghe nhiều, học hết Tam tạng Kinh điển, mà học không hiểu thì cũng không có giải quyết được vấn đề sanh tử. Còn người dù chỉ một bài kinh, dù một câu kệ, một đoạn nào ngắn thôi, nhưng hiểu được rốt ráo thì người đó giải thoát. Cho nên dù nghe nhiều, nói nhiều kinh; không nghĩa, đâu ít gì. Tốt hơn chỉ cần một câu thôi, nghe xong được tịnh lạc. Quý vị nhớ trong Kinh Pháp Cú có câu như vậy.

[Đoạn 3: Đức Phật hỏi về Sắc]

- Này Māluṅkyaputta! Ông nghĩ thế nào? Các sắc do mắt nhận thức, ông không thấy, trước đây ông không thấy, nay ông không thấy, và ông không muốn thấy; ở đây đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không? - Thưa không, bạch Thế Tôn.

Đoạn này thì đa số mọi người đọc sẽ không hiểu gì, bản dịch của ngài Minh Châu dịch như vậy. Và nếu có rà lại Pali thì mới hiểu thôi, chứ còn nhiều khi không hiểu. Ở đây, Đức Phật hỏi ông nghĩ thế nào 'các sắc do mắt nhận thức', thì điều này dễ hiểu đúng không ạ? Các hình sắc do mắt mình nhìn thấy, mình nhận biết được. Ví dụ như xanh, vàng, đỏ, trắng, rồi thấy cái này thấy cái kia, [ví dụ] đằng sau đây quý vị thấy tượng Phật, thấy bóng đèn, rồi có những cuốn kinh cuốn sách... Quý vị thấy rất rõ thì được gọi là sắc do mắt nhận thức.

Nhưng tiếp theo [Đức Phật] nói là những thứ ‘ông không thấy, trước đây ông không thấy, nay ông cũng không thấy và ông không muốn thấy. Ở đây đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?’

Chỗ này hơi khó hiểu, là ông không thấy, rồi trước đây ông không thấy, thì hai điều này tưởng giống nhau, nhưng coi trong Chú Giải thì thấy nguyên văn Pali câu này như thế này. Chúng ta chỉ để ý bốn chữ thôi, là ‘ông không thấy, trước đây ông không thấy, nay ông không thấy và ông không muốn thấy’. Đối chiếu Pali để coi nghĩa như thế nào.

[*Chú thích:

Nguyên văn: ye te cakkhuviññeyyā rūpā adiṭṭhā, adiṭṭhapubbā, na ca passasi, na ca te hoti passeyyanti

TT	**Từ**	**Ý nghĩa**
1	adiṭṭhā	Đời này chưa từng thấy
2	adiṭṭhapubbā	Đời quá khứ cũng chưa từng thấy
3	na ca passasi	Hiện tại không thấy
4	na ca te hoti passeyyanti	Cũng không hướng tâm mong sẽ thấy.

Đầu tiên là chỗ ‘ông không thấy’ tức là đời này chưa từng thấy, nếu dịch nghĩa ra theo Chú Giải. Còn chữ tiếp theo, ‘adiṭṭhapubbā’ là: đời quá khứ cũng chưa từng thấy. Khác nhau đó quý vị. Cái đầu tiên là ông không thấy, tức là có những thứ mà đời này mình không thấy. Thứ hai là có những thứ mà đời trước cũng không thấy luôn. Rồi ‘nay không thấy’ là hiện tại

(tức là ngay bây giờ) cũng không thấy. Và cũng không có hướng tâm mong sẽ thấy (tức là ổng không muốn thấy). Cách dịch của ngài Minh Châu rất ngắn, nên mình hiểu ra là vậy.

Bây giờ mình lấy ví dụ, có những thứ mình chưa bao giờ thấy trong đời này, trong đời trước (là những đời quá khứ), hiện bây giờ, và mình cũng không có mong muốn thấy (không có hướng tâm đến mong cầu để thấy). Có những thứ như vậy. Thì Đức Phật mới hỏi rằng: Đối với những thứ đó, ông có lòng mong muốn hay không, có lòng khát ái không, có lòng tham đối với những điều đó không? Tất nhiên là không! Bởi vì sao? Bởi vì đâu có biết đâu, đâu có thấy thì đâu biết.

Bây giờ mình lấy một ví dụ nào đó cho dễ hiểu. Ví dụ trong đời này quý vị chưa từng thấy một chiếc điện thoại rất sang, điện thoại Vertu gì đó, nghe thôi chứ chưa thấy nữa. Nghe nói có một chiếc điện thoại rất là sang như vậy, nhưng mình chưa bao giờ nhìn thấy. Đời này mình cũng chưa thấy, trong đời quá khứ cũng không thấy, và hiện nay cũng không thấy. Như vậy thì mình cũng không có mong hướng tâm đến. Tại vì chưa nghe nói và cũng không mong muốn, hướng tâm đến cái đó, mình nghĩ không liên quan mình. Cho nên đối với điện thoại Vertu đó, thì rõ ràng là không có lòng tham, không có lòng mong muốn và không có khát ái.

Đức Phật đưa ra ví dụ là: thật ra những gì mình mong muốn, mình tham, mình khát ái, mình rất mong, là do mình có thấy qua, đối với vấn đề sắc là vậy, quý vị hiểu không ạ? Nhưng không thấy thì không có biết, đâu có hướng tới thì đâu có mong. Nhưng bây giờ nghe nói rồi, ví dụ bây giờ nghe như vậy là bắt đầu tò mò, sẽ có một số người bây giờ nghe nói rồi,

tức là bắt đầu biết qua pháp rồi, bây giờ cũng mong muốn thấy, lên mạng đánh vô thử tìm coi điện thoại đó tại sao lại như vậy. Hoặc là có một chiếc xe hạng sang nào đó, mình đâu có biết đâu, mình đâu tiếp xúc qua, v.v… nên mình không có lòng mong cầu, khát ái, tham đối với nó, đúng chưa ạ? Ý nghĩa là như vậy thôi.

Đức Phật hỏi để làm gì? Để khơi mở, đi vào vấn đề là bài toán về luân hồi. Đó là đoạn thứ nhất, đó là về sắc. Thứ hai là về âm thanh:

[Đoạn 4: Đức Phật hỏi về Âm thanh]

- Các Âm thanh (ở trong bảng của ngài Minh Châu dịch là các tiếng, thì mình dịch là âm thanh cho rõ hơn) **do tai nhận thức, ông không nghe, trước đây ông không nghe, nay ông không nghe, và ông không muốn nghe; ở đây đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái hay không?**

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Tương tự như trên, bây giờ tới âm thanh. Âm thanh cũng vậy, có những âm thanh, mà nếu như đời này mình chưa nghe, ví dụ như một bài nhạc, có một bài nhạc phương Tây nào đó rất là nổi tiếng, [nhưng] mình không biết vì mình chưa nghe bao giờ. Bài nhạc tiếng Anh hay lắm mà giả sử quý vị không biết, như bài nhạc đồng quê "Yesterday Once More". Chẳng hạn, mà mình chưa có biết bao giờ, mình trước đây (tức là đời này) mình chưa nghe, đời quá khứ mình cũng chưa nghe, bây giờ mình cũng chưa nghe và mình cũng đâu có nhu cầu mong muốn nghe đâu. Giờ mình tu rồi, mình đâu muốn nghe đâu, thì mình đâu có lòng tham đâu, đâu có lòng dục

đâu, không có khát ái đối với bài hát đó đúng không ạ? Rất là đơn giản vậy thôi.

[Đoạn 5: Đức Phật hỏi về Hương]

- Các hương do mũi nhận thức, ông không ngửi, trước đây ông không ngửi, nay ông không ngửi, và ông không muốn ngửi; ở đây đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Cũng vậy đối với mùi hương, mùi hương nào, thật ra mình ham là do mình biết rồi thì mình mới ham, mình tiếp xúc qua hoặc là đời này hoặc trong những đời quá khứ tạo thành một khuynh hướng tiền nghiệp. Rồi thứ ba nữa là ngay bây giờ mình đang tiếp xúc qua. Thứ tư nữa là do mình nghe nói, mình biết qua pháp gì đó, rồi mình hướng tới, tò mò. Giống như bây giờ có những mùi hương nước hoa, ví dụ như nước hoa của hãng nổi Chanel (Pháp) hay là trang sức gì đó của hãng Pháp rất nổi tiếng, giả sử như vậy. Nhưng bây giờ mình cũng đâu có nhu cầu đâu, tại vì mình đâu có biết mùi hương nước hoa thơm thế nào, đời này chưa tiếp xúc, hiện tại chưa tiếp xúc, đời quá khứ cũng chưa từng tiếp xúc và cũng không nhu cầu gì, không có mong muốn hướng tới nước hoa làm gì, và tu rồi, giữ Bát quan trai, v.v… giả sử như vậy. Như vậy thì đâu có lòng khát ái, lòng dục, lòng ham muốn gì đâu. Đơn giản là như vậy.

[Đoạn 6: Đức Phật hỏi về Vị]

- Các vị do lưỡi nhận thức, ông không nếm, trước đây ông không nếm, nay ông không nếm, và ông không muốn nếm; ở đây đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Bây giờ tới vị, tức là lưỡi cũng vậy. Lấy một món ăn, ví dụ ở Ý có một món ăn nổi tiếng là Mỳ ý (Spaghetti), nhưng do đời này mình chưa ăn, hiện tại không ăn và đời quá khứ cũng chưa từng tiếp xúc nên không có trong tiềm thức, không có gợi lên gì hết. Và bây giờ cũng không có nhu cầu, không nghĩ tới món đó. Cho nên không có lòng dục, không có lòng tham, không có lòng khát ái đối với món Mỳ ý (Spaghetti) đó. Tại sao Đức Phật đưa ra những ví dụ như vậy? Để biết là nguyên nhân từ đâu. Quý vị hiểu không, để chúng ta biết tại sao.

Chúng ta đến đoạn tiếp theo, đoạn 7, Đức Phật hỏi về xúc:

[Đoạn 7: Đức Phật hỏi về Xúc]

- Các xúc do thân nhận thức, ông không cảm thọ, trước đây ông không cảm thọ, nay ông không cảm thọ, và ông không muốn cảm thọ; ở đây đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Điều này cũng dễ thôi. Đối với xúc, xúc là xúc chạm của thân thể. Ví dụ ở trên thế giới, chúng ta thì không biết, chắc chắn sẽ có những nơi có những chiếc ghế massage cực kỳ đã, đắt tiền. Ở đâu đó bán mình không biết. Nhưng do đời này mình không tiếp xúc tới, hiện tại cũng không tiếp xúc, trong đời quá khứ chắc chiếc ghế đó không có, nên mình cũng chưa

tiếp xúc bao giờ, cũng không mong hướng tới vì nhà nghèo v.v… Và hiện tại đâu có nhu cầu massage gì đâu. Cho nên không có lòng dục, không có lòng tham, không có lòng khát ái. [Vì vậy] không biết là không có gì hết.

Tất cả những đoạn này, nếu không biết là không có lòng dục, lòng tham và lòng khát ái.

[Đoạn 8: Đức Phật hỏi về Pháp]

- Các pháp do Ý thức nhận thức, ông không nhận thức, trước đây ông không nhận thức, và ông không muốn nhận thức; ở đây đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Như vậy đoạn này tiếp theo nói đến Pháp. Nếu như mình không có nhận thức trong đời này, không có nhận thức trong đời quá khứ, không có nhận thức trong hiện tại, và không biết đến, cho nên không hướng tới để nhận thức. Như vậy không có lòng mong muốn, không có lòng tham, không có lòng khát ái.

Để cho dễ hiểu, chúng ta lấy ví dụ đơn giản nhất. Ví dụ có những người do đời này, đời quá khứ, do hiện tại, bây giờ cũng không hướng tới một cảnh giới về Pháp, ví dụ pháp về Tây Phương Cực Lạc, giả sử như vậy. Một đứa nhỏ không hề biết về Tây Phương Cực Lạc, trong đầu nó không có khái niệm Tây Phương Cực Lạc, từ nhỏ tới lớn không tiếp xúc. Rồi đời quá khứ cũng không có tu môn đó, tức là pháp đó mới có mấy ngàn năm thôi, mới đây thôi, nhưng nó không tu cho nên nó không biết. Rồi hiện tại không có tiếp xúc, nó cũng không nghe ai quảng cáo gì cả, không biết. Cho nên

trong đầu không có hình thức như vậy. Cho nên nó đâu có ham khát tu Tây Phương Cực Lạc gì đâu, đúng chưa ạ? Như vậy thì dễ hiểu!

Hoặc chúng ta lấy một ví dụ khác. Như bây giờ chúng ta biết rằng pháp đó không có thật, cho nên mình đâu có muốn tiếp xúc pháp đó, cho nên mình cũng đâu có lòng tham, đâu muốn vãng sanh về cõi đó, vì nó có đâu mà sanh. Cho nên không có lòng dục, không có lòng tham và không có khát ái.

Hoặc chúng ta lấy một ví dụ thực tế hơn nữa, về pháp chứng quả A-la-hán, Niết-bàn. Đây là một pháp đúng không ạ? Một pháp phải do ý mới nhận thức được, trong suy nghĩ mới nhận thức được. Nhưng pháp đó có nhiều người đâu có biết đâu, trong đời này không biết, đời quá khứ cũng chưa từng tu tập cho nên cũng không biết, hiện tại cũng không tiếp xúc luôn nên cũng không biết. Họ cũng nghe nói A-la-hán gì đó, có tôn giáo khác thì họ cũng đâu quan tâm. Tóm lại họ không có lòng dục, không có lòng mong muốn, không có lòng tham hay khát ái đối với quả vị A-la-hán, hay Niết-bàn để chấm dứt sanh tử thì họ không quan tâm, tại vì họ không có thích.

Tóm lại, Đức Phật đưa ra 6 trường hợp: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để thấy nguyên nhân lòng dục, lòng tham, lòng khát ái từ đâu. Không phải do mình. Có thể là do không tiếp xúc tới cho nên không có, không tiếp xúc trong đời này, trong hiện tại, trong quá khứ, hoặc không có mong muốn tiếp xúc thì sẽ không bị lòng dục, lòng tham, lòng khát ái. Đây là mấu chốt mà Đức Phật muốn đưa ra. Sau khi hỏi như vậy thì Đức Phật mới nói tiếp. Phải từ từ, Đức Phật rất từ bi, Ngài dẫn dắt rất chậm.

[Đoạn 9: Đức Phật tổng kết]

- Này Māluṅkyaputta! Và ở đây, đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm thọ và được nhận biết, ông:

(1) trong cái thấy, chỉ là cái thấy;

(2) trong cái nghe, chỉ là cái nghe;

(3) trong cái cảm thọ, chỉ là cái cảm thọ;

(4) trong cái nhận thức, chỉ là cái nhận thức.

Đây là mấu chốt của vấn đề: *Thấy chỉ là thấy thôi, nghe chỉ là nghe thôi, cảm thọ chỉ là cảm thọ thôi, nhận thức chỉ là nhận thức.* Nhưng tại sao như vậy? Chúng ta đọc cho hết rồi chúng ta nói đoạn này nha!

Này Māluṅkyaputta! Vì rằng, đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận thức, ông: trong cái thấy, chỉ là cái thấy; trong cái nghe, chỉ là cái nghe; trong cái cảm thọ, chỉ là cái cảm thọ; trong cái nhận thức, chỉ là cái nhận thức.

Mục tiêu là đi đến điều đó, để đạt được gì?

Này Māluṅkyaputta! Cho nên, ông không vì cái ấy. Này Māluṅkyaputta! Do bởi ông không vì cái ấy, do vậy, ông không ở trong đó. Này Māluṅkyaputta! Do vì ông không có ở trong đó, này Māluṅkyaputta! Do vậy, ông sẽ không có đời này, đời sau, và giữa hai đời ấy. Đây là sự chấm dứt khổ đau.

Nói tóm tắt là vậy. Hết rồi đó! Chỉ có nói bấy nhiêu đó là chấm dứt khổ đau thôi. Chúng ta đọc ngắn gọn lại nha!

Mục tiêu đối với 6 pháp: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thì trong cái thấy, làm sao chỉ là thấy thôi; cái nghe chỉ là nghe thôi; trong cảm thọ chỉ là cảm thọ thôi; cái nhận thức chỉ là nhận thức. Nếu làm được như vậy thì ông không vì cái đó, tức là ông không bị phụ thuộc, bị cái đó lôi kéo. Do không vì cái đó, cho nên không có Ta ở trong đó. Không có Ta ở trong đó, nên không có đời nay hay đời sau, hay giữa hai đời, tức là sự chấm dứt khổ đau. Đây là cách dịch của ngài Minh Châu, chúng ta cũng không sửa mấy, để nguyên như vậy, chỉ chuốt văn lại thôi.

Quý vị hiểu thế này: thực tế chúng sanh luân hồi là do gì? Là do trong cái thấy bị vướng mắc. Cái thấy là quá trình nhận thức, mình bị vướng mắc nên mình có sự chiếm hữu (tức là mong cầu, mong muốn). Cho nên có dục, có tham và có khát ái. Từ đó mới là động lực để đi tái sanh.

Bây giờ Đức Phật nói có công thức ngược lại: thấy chỉ là thấy thôi. Là sao? Thấy, nhưng không bị nó lôi kéo. Không bị lôi kéo là sao? Tức là không có mong muốn, ham muốn, khát ái nó. Ví dụ bây giờ thấy chiếc xe Việt Nam, ô tô hay mô tô gì đó, tuỳ điều kiện kinh tế của mỗi người, nhưng có mong ước khác nhau. Thấy chiếc xe đó, quý vị chỉ biết chiếc xe đó thôi, nhưng quý vị không có tham đắm, không nghĩ cố gắng mua cho bằng được chiếc xe đó. Khát ái là ham muốn, mong muốn v.v… đạt được chiếc xe đó. Như vậy nghiệp tái sinh trong cõi Dục không có sanh ra.

Nếu như mình có khát ái, thì mỗi khát ái đó tạo ra một quả để tái sanh trong cõi Dục giới. Mặc dù quý vị cũng thiện lành thôi, tâm quý vị cũng đơn giản thôi, mong muốn mua chiếc xe cho mình thôi. Nhưng đó là mong muốn sở hữu vật chất, thì thuộc về Dục giới. Khi chết, nếu như nghiệp

đó trổ thì sẽ mang quả tái sanh trong cõi Dục, tức là từ cõi trời thứ sáu Tha Hoá Tự Tại cho đến cõi Người. Nếu quý vị có phước thì không có vấn đề, còn nếu không có phước thì đọa xuống nữa, vẫn là cõi Dục. Đó là chúng ta hiểu như vậy.

Như vậy quá trình nhận thức là gì? Tức là từ sắc bên ngoài (là một chiếc xe), rồi qua ánh mắt thấy. Cái thấy là Sắc, cũng liên tưởng đến Tưởng. Tưởng là nhận biết được đây là cái xe, vì trong đời người ta phải tiếp xúc với chiếc xe, chứ đứa ở trong rừng núi sâu từ nhỏ tới lớn thì đâu biết xe là gì. Cho nên phải có Tưởng. Từ Tưởng đó đưa đến cảm giác (cảm thọ) này là xe tốt, sắc này đẹp v.v… trong đầu nghĩ vậy (đây là mình nói trên Sắc nha). Từ cảm thọ đó đưa đến ham muốn, chấp trước, dính mắc đối với chiếc xe.

Thực ra chiếc xe là pháp thì đúng hơn, tại vì màu xe đâu có thể hiện. Mình phải thấy màu chớ, sắc là mình chỉ thấy màu thôi. Ví dụ giờ quý vị nhìn cái bảng đằng sau, ở đây dùng phông màu hơi hồng, bởi vì màu đó để lên video dễ chịu nhất, chọn đi chọn lại là chọn màu đó. Còn nếu như màu khác thì sẽ không nổi bật những chủ thể đằng trước. Ví dụ như người, tượng Phật sẽ không sáng, không đẹp. Màu đó thì phù hợp. Còn nếu như mình dùng màu trắng thì tượng Phật sẽ không nổi, màu xanh thì tượng Phật không nổi, vì vậy chọn màu này, quý vị hiểu không ạ? Đây là nghệ thuật trong trang trí, phối màu thôi. Khi tìm hiểu kỹ rồi thì chọn màu này để tượng Phật màu trắng nổi nhất, ưu tiên cho tượng Phật. Quý vị thấy tại sao nhìn tượng Phật đẹp nhất, bởi vì đơn giản là do khung đằng sau, với màu đó thì tượng Phật phù hợp đẹp nhất. Người thì không đẹp bằng, vì ưu

tiên [tượng] Phật mà. Người muốn đẹp thì có thể lựa màu khác, tại vì tuỳ theo trang phục mình mặc, mình sẽ chọn màu nào để phối cảnh phù hợp.

Bây giờ do màu hơi hồng này, nhiều người nhìn vào cảm thấy dễ chịu, thích. Là do từ con mắt đưa đến nhận thức, nhận thức ra được màu trắng. Từ nhận thức đó (tức là Tưởng) đưa đến Thọ (thọ là cảm nhận). Từ cảm nhận dễ chịu thì bắt đầu có sự chấp trước, bữa sau nếu thầy đổi màu khác là con không thích. Hoặc có nhiều người không thích màu này, thấy ông thầy trang trí màu này khó chịu quá, bóng đèn cũng màu này, như vậy khó chịu.

Đó là do mắt đưa tới, nhận thức về màu sắc mà có sự chấp trước. Kiểu gì cũng chấp trước hết, ghét hay không ghét, thích gì cũng chấp trước cả. Do sự chấp trước đó, mỗi lần một chấp trước thì sinh ra một nghiệp, nghiệp đó tạo ra những quả, trong đó có quả tái sinh trong tương lai, tái sanh vào cảnh sắc theo ý mình. Theo ý mình là gì? Nếu như tâm mình là tâm thiện thì sẽ vào cõi Dục. Nếu tâm đó là tâm ác, tâm ghét, ghét màu này quá, nếu không có phước thì vô cảnh ghét, hoặc đọa vô cảnh như vậy. Cho nên quả tái sanh là do nghiệp.

Cho nên nếu như trong cái thấy chỉ là thấy, thấy cũng biết đó, sao lại không biết, biết màu này là màu hồng. Tới cảm thọ thấy dễ chịu, nhưng ngay lúc đó không có mong muốn nữa, không có ham muốn chiếm hữu màu hồng này, không muốn tiếp tục sống trong màu hồng này, bình thường. Hoặc không ghét màu hồng này, không ghét gì hết, bình thường. Thì như vậy ngay tâm đó không tạo ra nghiệp tái sanh trong tương lai, thì bớt một cái.

Nếu như quý vị làm liên tục như vậy, không chỉ đối với sắc, đối với âm thanh, đối với mùi hương, đối với vị, đối với sự tiếp xúc, và đối với pháp, nếu tất cả đều như vậy, tức là thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, cảm thọ chỉ là cảm thọ, nhận thức chỉ là nhận thức. Như vậy sẽ không có một cái gì tái sanh trong tương lai, ngay trong hiện tại không có Ta, không có cái ngã.

Thực ra, ở đây Đức Phật nói có hai ý nghĩa: một ý nghĩa là muốn mình không có tạo nghiệp tái sanh nữa; hai là ngay trong đó chỉ là một quá trình nhận thức như vậy thôi, máy chạy như vậy. Từ thấy màu sắc, dẫn đến liên tưởng (gọi là Tưởng), từ Tưởng dẫn đến Thọ, Thọ rồi chạy các Hành (Hành là bắt đầu ghét yêu (ái), do vậy gọi là tái sanh, cho nên luân hồi.

Còn nếu người nào chỉ có nhận thức theo quá trình: Thấy -> xong rồi giải mã (phải thấy chứ, sao mà không biết gì được, biết màu nào, màu đó màu gì) -> cũng có cảm thọ dễ chịu hay khó chịu. Nhưng cảm thọ xong rồi dừng luôn, không bám chấp vào ghét hay không ghét, chiếm hữu hay không chiếm hữu v.v… Tức là không tạo các Hành. Hành chính là luân hồi, quý vị hiểu không ạ? Hành mới tạo ra nghiệp luân hồi. Trong các Hành thì có Tâm sở Tư, mới tạo nghiệp luân hồi. Thì người đó chấm dứt sanh tử nhờ như vậy. Cho nên Đức Phật đúc kết chỉ nói bốn điều thôi: *Trong cái thấy chỉ là thấy, trong cái nghe chỉ là nghe, trong cái thọ chỉ là cảm thọ, trong cái nhận thức chỉ là nhận thức*, vậy là hết rồi.

Cho nên học, tu chỉ như vậy thôi à. Mà tu như vậy là tu Tứ niệm xứ đó quý vị. Tứ niệm xứ này còn cao hơn Tứ niệm xứ kia nữa đó, và ngắn gọn. Điều này liên quan đến bài kinh khác, quý vị cũng biết, đó là bài kinh

trong Kinh Phật Tự Thuyết của Kinh Tiểu Bộ, bài kinh về ngài Bahiya, trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy. Đoạn kinh đó y chang như thế này, nhưng ngài Minh Châu dịch khác. Đoạn này, nếu quý vị tra trong Kinh này thì ngài Minh Châu dịch khác, trong đó chữ y chang như vậy mà ngài Minh Châu lại dịch khác. Trong đó dịch là: *'Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy, trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe, trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng, trong cái thức tri chỉ là cái thức tri'*.

Đây là ngài Minh Châu dịch trong Kinh Phật Tự Thuyết của Kinh Tiểu Bộ:

***Chú thích liên hệ:**

["Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri". Như vậy, này Bāhiya, ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bāhiya, nếu với ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bāhiya, ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bāhiya, ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau] .

((1.10) Bāhiya trong Kinh Phật Tự Thuyết của Kinh Tiểu Bộ).

Ngài Bahiya là Đệ nhất Tốc chứng, tức là nghe xong là chứng A-la-hán luôn, chứng A-la-hán nhanh chóng và thành công. Chỉ nghe bấy nhiêu đó thôi. Bởi vì sao? Trong quá trình nhận thức không có một cái Ta nào ở trong đó. Tức là thấy Sắc chỉ là thấy hình sắc. Cái gì thấy? Mắt thấy, mắt là Nhãn thức thấy. Sau khi thấy, nó đưa vào, Tưởng [giúp] hồi tưởng lại, nhận biết

đó là màu xanh, màu đỏ, màu hồng, màu gì đó, đẹp xấu gì đó v.v... tự đánh giá. Sau đó chạy đến cảm thọ, cái nào phù hợp với tiêu chuẩn của mình, gọi là đưa đến thọ dễ chịu (đó là thọ lạc, thọ hỷ), còn cái nào đưa đến ngược với mình gọi là thọ ưu, khó chịu. Từ đó mới sanh ra ái, dễ chịu thì chấp lấy, các hành chạy. Còn khó chịu thì đẩy ra, không muốn nghe thấy nữa, không muốn nữa, ghét. Từ đó tạo nghiệp luân hồi.

Cả quá trình đó, thật ra không có cái Ta nào hoạt động hết, chỉ là như vậy thôi. Nếu như ai ôm lấy cho đó là Ta, ôm lấy chấp trước như vậy thì tạo nghiệp để tái sanh tiếp tục, đơn giản vậy thôi! Cho nên ngài Bahiya nghe xong bấy nhiêu đó là xong, chấm dứt, đoạn tận khổ đau, chứng A-la-hán luôn. Còn mình nghe xong thì mình lơ ngơ, Việt Nam có câu "lơ ngơ như bò đội nón", không hiểu. Tại sao không hiểu? Vì đời quá khứ chưa từng nghe, hoặc nghe ít quá; hoặc đời này chưa từng nghe, hoặc nghe ít quá. Chưa huân tập đủ, chưa rèn luyện đủ. Cho nên đối với pháp thậm thâm vi diệu của Đức Thế Tôn, mình nghe khó quá, gọi là "tục tình thì dị trưởng, chí đạo thì nan văn". Cái gì của thế gian thì quen rồi, nhiều đời huân tập rồi, cho nên dị trưởng là dễ lớn lên, mạnh thêm nữa. Còn đạo tuốt ở trên cao thì khó nghe, khó nghe là khó hiểu, chứ nghe thì nghe được nhưng nghe không hiểu.

Cho nên trong cái thấy chỉ là cái thấy, làm sao tu tập bấy nhiêu đó. Trong cái nghe chỉ là cái nghe, tức là nghe âm thanh cũng vậy. Quá trình nhận thức là gì? Từ âm thanh đi vào tai, bây giờ Nhĩ thức xử lý. Từ Nhĩ thức xử lý, đưa vào sẽ có Tưởng, nó liên hệ, gợi lại cho biết âm thanh đó là âm thanh gì, bài nhạc hay thì biết bài nhạc hay. Từ đó sinh ra chấp trước.

Hoặc nhạc không hay thì ghét. Từ đó các hành, yêu thích hay ghét đó gọi là hành nghiệp. Tâm sở Tư cũng là Hành, trong đó có tạo nghiệp, hướng đến chấp lấy hay không chấp lấy là tạo nghiệp. Có một quá trình nhận thức như vậy.

Cho nên Đức Phật nói: Nếu như thấy, nếu như nghe, nhưng chỉ dừng tới cảm thọ thôi, dù có nghe tiếng hay hay tiếng nhạc dở chăng nữa, thì cũng bình thường, phải trơ trơ ra, thì người đó chấm dứt đau khổ. Vậy thôi! Vì không có ông ở trong đó, không có Ta trong đó. Quá trình nhận thức thực ra không có Ta.

Bây giờ mình mới phục nể Đức Phật. Ở đây, sẵn nói cho quý vị về Khoa học một tí. Khoa học bây giờ nói về trí nhớ, hồi ức, thật tế cơ chế lưu không phải lưu như cái máy tính. Máy tính là lưu nguyên cái file đúng không quý vị? Ví dụ file Mp3, file hình ảnh gì đó, lưu hết thành một file, nhét trong ổ cứng. Tới khi truy xuất ra, nên được nguyên vẹn thông tin, dù trước đây bao lâu vẫn nguyên vẹn như vậy.

Còn cơ chế con người, bây giờ khoa học nói rất tương đồng với Phật pháp luôn. Là não bộ không phải lưu như vậy, không phải lưu thành một tập tin, một file như vậy. Không phải file hoàn chỉnh, mà nó phân tán một cách mơ hồ lên tất cả những điểm trên não, ở chỗ nào đó. Khi gợi nhớ, ký ức mình nhớ lại chuyện xưa, thì thực tế nó không lôi lại tất cả những dữ liệu đó, mà nó chỉ là hồi tưởng, nó lấy vài cái tưởng tượng mông lung ở trên đó, tái tạo lại. Cho nên ký ức con người đúng nghĩa tưởng luôn. Tại vì nó không có trọn vẹn. Cho nên có khi nhớ, nó hình thành lại đúng chính xác, có khi thêm cái này, có khi thiếu cái kia. Vì vậy hai người cùng dự một

sự kiện, chuyện ngày xưa 10 năm trước, 15 năm trước, 20 năm trước, mà bây giờ hai người ngồi kể lại thì có thể hai người kể trật nhau. Vì hồi tưởng đó không có trọn vẹn, không phải lấy nguyên cái file cũ, mà chỉ tái dựng lại trên vài dữ kiện nào đó. Cho nên gọi là hồi tưởng và tưởng tượng. Chính vì vậy mới khớp với Tưởng trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức của Phật giáo, mới khớp với tinh thần Vô ngã của Phật giáo. Còn bên Đại thừa, A-lại-da thức là chứa một cách trọn vẹn giống như ổ cứng. Khác nhau là ở chỗ đó.

Cho nên càng về sau, mới thấy Phật giáo Nguyên thủy đúng với tinh thần Khoa học. Còn Phật giáo Đại thừa cũng đúng tinh thần Khoa học, nhưng đúng cho cái máy chứ không phải đúng cho con người. Cái máy tính, người ta áp dụng Duy thức học của Đại thừa để chế tạo máy tính, chứ không phải con người. Máy tính lưu một file là lưu nguyên, ghi chết vô dữ liệu. Ví dụ nó ghi thành thành x01, chỗ này đánh số x là 1, chỗ này không đánh x thì bỏ qua, ghi là 0, cứ 0 - 1, 0 - 1, nó mã hoá nhị phân thôi, 1 - 0 - 1. Nó đổi hết những con số đó thành ra một tập tin hoàn chỉnh. Khi đọc, nó tái dựng, đọc hết nên ra nguyên [vẹn]. Cho nên video đó quý vị lưu, để 10 năm sau vẫn mở được, nếu như ổ cứng chưa hư vẫn mở lên OK, nguyên vẹn, không thiếu một chút nào.

Nhưng con người không lưu trữ trong bộ não như vậy. Mà lưu trữ bằng cách phân tán mơ hồ. Và khi tái dựng thì nó tái dựng mơ hồ. Cho nên có người tái dựng lại đúng, có người tái dựng lại sai. Vì vậy những người già có khả năng bị Alzheimer, khả năng bị nhớ nhầm rất nhiều. Vì vậy chớ vội tin vào trí nhớ của mình. Quý vị hiểu chưa ạ? Trí nhớ của mình là hồi

tưởng, mà hồi tưởng này chưa chắc chính xác. Bây giờ Khoa học người ta chứng minh được đó. Đó mới chính là tinh thần Vô ngã đó quý vị, không lưu trữ ở đâu cả.

Tại sao mình nói Duy thức A-lại-da của Đại thừa là sai? Tại vì của người đời sau chế ra. Tại sao? Vì ngay trong chính Kinh A Hàm, quý vị giở bài Kinh Kiên Cố, hoặc giở bài Kinh Kiên Cố trong Kinh Trường Bộ cũng được, Trường A Hàm hay Trường Bộ. Bây giờ chúng ta lấy A Hàm đi, A Hàm là chính của Trung Quốc, của Bắc truyền, để nói cái sai chết người của A-lại-da thức.

Trong Kinh Kiên Cố, có vị Tỳ-kheo đi lên cõi Trời, hỏi: "Khi Tứ đại diệt thì thế nào?" Hỏi hoài mà không ai trả lời được. Cuối cùng Đức Phật nói rằng: "Nên biết Thức vô hình, vô biên, tự toả sáng. Thức diệt, hết thảy diệt". Nhớ, Thức đã vô hình rồi. Thứ hai, Thức vô biên. Vô biên mà tin là nó chui vô cơ thể này, gọi là "khứ hậu, lai tiên, tác chủ ông" theo trong Duy Thức Tam Thập Tụng. Quý vị thấy vô lý không? Đã là vô biên rồi mà tự nhiên đóng vô thành hữu biên, chui vô trong cơ thể Ngũ uẩn này để thành "khứ hậu, lai tiên, tác chủ ông". Tức là đi thì sau mà đến thì trước, nhập thai thì trước, khi chết thì ra sau. Sau này chuyển thành Tự tánh, gọi là thức Đại viên Cảnh trí hoặc là Diễm ma La thức v.v… đủ thứ các kiểu. Như vậy đâu có đúng, đúng không ạ?

Rõ ràng là Đức Phật bác hai điều đó ngay trong Kinh A Hàm mà, đâu cần phải Nikaya. Nếu mình nói Nikaya thì kêu đó là trường phái khác mình, nhưng A Hàm của Trung Quốc mà, A Hàm của Bắc truyền mà.

Cho nên nhiều người không hiểu, cứ nói: Thầy dẫn kinh Nam truyền để bác Bắc truyền. Xin lỗi! Chính kinh Bắc truyền là Kinh A Hàm bác kinh Đại thừa rồi. A Hàm là của Bắc truyền mà, của Trung Quốc mà. Những người Tổ của Trung Quốc giảng sai với A Hàm thì chấp nhận được không? Họ đã sai ngay từ đầu. Cho nên chỉ có kinh đời trước hoặc kinh đời sau. A Hàm và Nikaya là kinh đời trước. Còn những kinh kia là sáng tác của những người đời sau. Những người học theo những người đời sau, gọi là học với tổ Long Thọ, học với tổ Mã Minh, học với tổ Thế Thân, Vô Trước v.v… Học với mấy ông tổ đó, học với những ông tổ Trung Hoa thì gọi là những người học theo Tổ sư.

Bây giờ thế giới công nhận như vậy, chứ đâu phải mình nói đâu. Mình nói có sách mách có chứng mà, toàn thế giới người ta công nhận rồi. Cho nên tư tưởng đó khác. Còn tư tưởng của Phật là tư tưởng của Nguyên thủy Nikaya và A Hàm. Nikaya là của Nam truyền, A Hàm là của Bắc truyền. Những bộ Duy thức căn bản lúc đầu, không phải thời kỳ sau của Bắc truyền, vẫn tương ưng, tương ưng gần như hoàn toàn. Không 100%, nhưng ít nhất tương ưng đến 90% so với Vi Diệu Pháp của Nam truyền, hai bên tương ưng. Chúng ta đã học cả hai bên, cho nên chúng ta đã có một sự đối chiếu nhất định. Vì vậy tin theo lời Phật dạy.

Và tin hay không, tất nhiên quý vị kêu chắc gì đã đúng. Đúng rồi, chưa chắc đã đúng. Chớ vội tin, dù đó là ông thầy nào nói. Mình phải tu, mình trải nghiệm. Và trải nghiệm đến lúc nào đó thì quý vị sẽ tin một cách không còn lay chuyển nữa. Gọi là niềm tin bất động đối với Phật, niềm tin bất

động đối với Pháp, niềm tin bất động đối với Tăng, và tất nhiên quý vị sẽ thành tựu. Lúc đó thành tựu Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Còn không, bây giờ cứ nghe theo cảm hứng của mình. Tức là hồi xưa do mình tiếp xúc với Bắc truyền trước, Đại thừa trước, cho nên mình thích Đại thừa. Bây giờ ai nói ngược thì mình nói sai hết, rồi mình phỉ báng, mình chửi. Đó là tiệt con đường giải thoát của mình, không còn cơ hội nữa. Đời này coi như xin chào, bye bye, hẹn đời sau. Tại vì đời này rớt vào giáo kiến của ngoại đạo mà không biết, thì chịu thôi. Đó là không có cách nào. Cho nên những người như vậy là những người đáng thương, bởi vì thật ra 'tiên nhập vi chủ', cái gì vào trước thì sẽ làm chủ.

Cho nên phải học. Nếu chưa tin bộ phái khác thì tại sao không học A Hàm? Cho nên tại sao lúc đầu giới thiệu cho quý vị toàn A Hàm. Bởi vì giới thiệu A Hàm để quý vị thấy rằng ngay chính A Hàm là của Trung Hoa (Trung Quốc), của Bắc truyền, nhưng đã đi ngược hoàn toàn với Đại thừa. Tất nhiên, không chỉ có đi ngược mà đi rất chính xác với kinh của Đức Phật, tinh thần rất tuyệt vời, hay hơn kinh Đại thừa. Sau đó quý vị mở qua Nam truyền là Kinh Nikya, quý vị mới thấy sự tuyệt vời, [kinh] Nam truyền còn hay hơn nữa, đầy đủ hơn A Hàm. A Hàm bị dìm dữ quá, cho nên chắc bị mai một một chút, nhưng Nikaya đã lưu trữ trọn vẹn. Và sau khi học như vậy thì tự biết đây là lời của Đức Thế Tôn, đây chính là lời của Phật, không lọt vào đâu được. Bởi vì những lời đó chỉ có Phật nói.

Giống như đoạn này quý vị thấy: Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái cảm thọ chỉ là cảm thọ, trong nhận thức chỉ là nhận thức. Đừng có thêm một cái gì vào nữa, đừng có thêm cảm hứng

ham muốn thế này kia. Không có ham muốn, không có ghét, không yêu thương thì không có gì hết, gọi là không có ái. Ở trong kinh luôn, hình như trong Kinh Trung Bộ thì phải (nhất thời không nhớ), đại ý lúc đầu Đức Phật nói: Khi không có ái thì cuối cùng chấm dứt được sanh tử, sẽ Niết-bàn. Tóm lại là 'ái tận tức Niết-bàn', vậy thôi!

Cho nên ở đây, đừng có vướng vào cái đó. Vậy cái thấy chỉ là thấy, cái nghe chỉ là nghe. Trở lại ví dụ lúc đầu đi, ví dụ nghe một bài hát, mình chưa nghe bài hát đó trong đời quá khứ, chưa nghe bài hát đó trong đời này, và hiện tại chưa nghe, và cũng chưa ai giới thiệu mình nghe. Cho nên mình không có ham muốn gì hết, tức là không có tham, không có lòng mong cầu, không có dục, không có khát ái. Tuy nhiên, lỡ nghe một cái mà thấy bài đó hay quá là bắt đầu mê luôn, là dính khát ái. Cho nên không được, như vậy cũng không được.

Mà Đức Phật nói là không phải né, mà phải nghe, trong cái nghe chỉ là nghe, nghe thì biết bài nhạc đó hay chứ, nghe thì cứ nghe. Ngửi mùi thơm, biết nước hoa thơm chứ, biết, nhưng đừng có tham nước hoa. Trong cái thấy, thấy màu đẹp, nhưng đừng có ham cái đó, [hay] thấy cái xấu cũng đừng có ghét. Nghe cũng vậy, không ghét, không thích, cứ bình thường, bình thường, bình thường, gọi là xả thọ. Như vậy đó là tu.

Mọi người phải kiểm tra được tâm. Như vậy phải quán thọ trên thọ đúng không, quán tâm trên tâm đúng không, quán pháp trên pháp đúng không, rồi quán thân trên thân đúng không. Là Tứ niệm xứ trong đó. Cho nên ngay bài này cũng là Tứ niệm xứ. Mà tinh hoa Đức Phật nói gọn lại chỉ

bấy nhiêu đó. Tại vì vị Tỳ-kheo kia nói như vậy, quý vị hiểu bài này như vậy đó.

Có người hỏi: "Thưa thầy, Kinh A Hàm của Trung Quốc, vậy chúng con có nên xem hay không?"

Đã nói với quý vị rồi, Kinh A Hàm cũng tương ưng với Kinh Nikaya 90%. Quý vị muốn độ hoá những người từ Bắc truyền sang, hãy dùng A Hàm. Bởi vì sao? Vì chính A Hàm mới cho họ tâm phục khẩu phục được. Bởi vì Kinh Nikaya, một phần là do Hòa thượng Minh Châu dịch khó hiểu. Thứ hai, họ nghĩ đó là của Nam truyền, họ cứ đổ lỗi đó là của tông phái khác. Trong khi đó mình lấy A Hàm ra dẫn chứng thì họ không cãi được. A Hàm của Trung Quốc, A Hàm của Bắc truyền đó.

Chính vì vậy hãy dùng A Hàm để lưu truyền. Và không có lý do gì mình không đọc, tại vì A Hàm có nhiều điều hay. Tất nhiên không phải trọn vẹn 100%, vì có những chỗ cũng chỉnh sửa ở trong đó. Ví dụ như Kinh Kalama ở trong A Hàm thì thấy bị cắt mất rồi, còn có khúc à, không dùng được. Nhưng nhiều còn bài dùng được, lý do như vậy. Quý vị thấy những bài trong A Hàm, ở trong Nikaya có khi không có, nhưng có trong Chú Giải của Nikaya. Ví dụ câu chuyện "Lão Nam Nữ", quý vị thấy hai ông bà già, trong kinh Nikaya không có đầy đủ chi tiết đó, nhưng có chi tiết khác. Còn trong Kinh A Hàm lại có chi tiết khác, nếu mình kết hợp hai kinh lại thì rất đầy đủ.

Cho nên những người muốn hoằng pháp, muốn hiểu sâu thì nên học cả hai. Còn nếu như mình không có thời gian thì mình học Nikaya cũng được. Còn muốn độ sanh, muốn những người Bắc truyền quy phục, thì hãy

dùng Kinh A Hàm. Bởi vì A Hàm là của Trung Quốc, họ không cãi được. Giống như chúng ta dẫn trong A Hàm ra là Hoà thượng Tịnh Không sai hết, những kiến thức căn bản mà sai thì còn gì mà nói nữa. Rồi Tổ sư Ấn Quang, mấy ông tổ Trung Hoa [đem] so với A Hàm là sai hết. Vậy thì cần gì phải nói nữa. Mấy Tổ Trung Hoa, Hoà thượng Tuyên Hoá, nào là Sư Giác Khang so với A Hàm sai hết, chưa nói đến Nikaya. Chỉ cần lấy A Hàm thôi là đập tan nát hết kinh Bắc truyền rồi. Tại vì những người đó họ không hề học A Hàm, họ chỉ học đâu đâu, toàn học tổ đời sau. Cho nên họ đã đi quá xa.

Chính vì vậy, quý vị hãy dùng kinh đó để dẫn chứng lại, là họ đã không chính xác với chính tông phái của họ. Chứ không là họ cãi, nói Nam truyền nói khác, môn phái khác, bộ phái khác v.v… Chính Bắc truyền, Kinh A Hàm đó, còn sai mà. Quý vị thấy rõ ràng những bài kinh giống nhau mà, kinh này dạy điều gì, bên này có là bên kia cũng có. Cho nên 90% giống nhau là đủ xài cho những người như vậy.

Vì vậy nên học, nên truyền. Tại sao chúng ta nên truyền cả hai? Vì truyền để cho chúng sanh thuyết phục. Bên này có, bên kia có, chứ không phải một bên có, bên kia không. Nếu chỉ có Nam truyền có, Bắc truyền không có, thì còn nghi ngờ, còn do dự. Nhưng cả hai bên đều có, thì không có lý do gì để do dự.

Thứ ba là sau khi thực hành thấy khác hẳn.

Thứ tư là nghiệm được, Đức Phật nói: ‘*Người trí tự mình giác hiểu, đến để mà thấy’,* tức là trải nghiệm để thấy. Một bên thì nói mơ hồ, quý vị thấy những kinh Đại thừa, ví dụ như Kinh Địa Tạng nói người nào tụng một biến kinh này, thì trong các ngày Trai, Đông, Tây, Nam, Bắc, trong khoảng 100

một do-tuần (nói như Hoà thượng 1 do-tuần là khoảng từ 40 - 80 cây số. 100 do-tuần là 8.000 cây số) không có xảy tai nạn gì hết. Có không? Bây giờ tai nạn đầy luôn, chẳng lẽ không có ai tu, tu nhiều lắm chứ, ngày ngày tụng mấy biến, chép kinh, rồi học, tu, trì giới ghê gớm lắm. Rồi sao? Bây giờ ngập nước hết mọi nơi kìa. Có tai nạn không? Ngày nào cũng có tai nạn giao thông chết người. Ở Việt Nam tu nhiều lắm mà, sao không có?

Cho nên đó là nói quá đi, mình biết đó không phải là lời của Đức Thế Tôn. Hoặc là trong Kinh Vô Lượng Thọ, quý vị thấy nói là nơi nào có "Phật sở hành xứ, là quốc ấp khâu tụ, mị bất mông hóa, mưa thuận gió hoà, tai dịch không khởi" v.v... Nhưng quý vị coi trong thời Đức Phật, cả Kinh A Hàm và Kinh Nikaya đều có dẫn chứng. Dẫn chứng là gì? Đức Phật và Tăng đoàn đi, nơi đó vẫn hạn hán bình thường, vẫn đói khổ bình thường. Người ta mới ra chất vấn Phật: "Trời đã hạn hán như vậy rồi, tại sao Ngài còn dẫn thêm 1.250 vị Tỳ-kheo, thêm 500 vị Tín sĩ đi theo nữa (tức là những người bình thường đi ăn xin theo nữa). Có khác nào trời đã hạn hán mà kèm theo mưa đá nữa không? Sao Ngài không từ bi?" Rồi khi Đức Phật đang ngồi Thiền bên cái động đó, thì trời sấm sét đánh chết 4 con bò với 3 anh em người chăn bò. Vậy mà nói ngồi bên Phật yên thân hả? Có không? Cho nên mấy người không coi trong kinh, mới tin là những điều thần thoại của những người đời sau dựng lên. Một tôn giáo cố gắng tô vẽ, đưa lên những quả báo đẹp, tốt, dụ dỗ, quảng cáo người ta chui vào đó.

Và chúng sanh nào tham nhiều, gọi là tu ít mà mong được quả nhiều, cho nên lọt vào đó. Quý vị thấy, bây giờ toàn những người tham cho nên dính, lọt vào đó. Tham là có Pháp môn không phải tốn qua 3 a-tăng-kỳ kiếp

mà có thể thành Phật. Trong khi đó, Đức Phật Thích Ca tu, theo A Hàm, Nikaya ghi nhận, chưa nói Chú Giải, thì cũng đã 4 a-tăng-kỳ và 100.000 Đại kiếp. Còn nếu nói theo Chú Giải, Vi diệu pháp thì là 20 a-tăng-kỳ. Ngài tu lâu như vậy, mà mình tin là có một pháp môn tu một đời thành Phật, nghe đã quá nên bị dụ thôi.

Tham thành tựu, tham đi tắt mà không biết là các vị Phật, Bồ-tát, các vị A-la-hán, Thánh nhân đi mỏi mòn trong sanh tử. Tu sắp thành tựu rồi, như ngài Mục Kiền Liên tới thời Đức Phật Câu Lưu Tôn là ngay Hiền kiếp này, còn làm Ma vương xuống phỉ báng, xuống phá giáo đoàn của Đức Phật Câu Lưu Tôn. Quý vị giở Kinh Hàng Ma trong Kinh Trung Bộ, Kinh số 50. Rồi sau đó ngài đọa vô Địa ngục luôn. Ngài Mục Kiền Liên tu 1 a-tăng-kỳ kiếp rồi đó. Nên nhớ, không có đùa!

Còn Đức Phật Thích Ca, tu ít nhất từ thời Đức Phật Nhiên Đăng, được thọ ký, và từ đó đến nay trải qua 4 a-tăng-kỳ kiếp. Kinh Đại thừa cũng ghi nhận là 4 a-tăng-kỳ kiếp, nhiều Kinh Đại thừa cũng ghi nhận. Như vậy mà đến thời này, thời Đức Phật gần đây nhất, trước Phật Thích Ca là Phật Kassapa (là Phật Ca Diếp), Ngài vẫn phỉ báng Đức Phật Ca Diếp là ‘Sa-môn trọc đầu’, nói câu đó hình như 9 lần. Quý vị giở Kinh Trung Bộ ra coi.

Cho nên tưởng ngon, mình bị dụ, đem quả báo lớn ra là có con đường niệm Phật vãng sanh Tây Phương, một đời bất thoái thành Phật. Vậy mình cho các vị Phật đó ngu hết sao? Các vị A-la-hán như Ngài Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất với bao nhiêu vị ngu hết à? Và mình coi trong Kinh tạng, từ kinh Đại thừa đến kinh Tiểu thừa, có vị nào tu con đường đó đâu, không nhắc tới. Chỉ toàn là phát tâm Vô thượng lên núi tu, tu đã rồi rớt, rớt đã

rồi tu, đời thì làm này làm kia, trầy da tróc vảy, trải suốt bao nhiêu đời như vậy. Trong kinh, Đức Phật Thích Ca nói thân Ngài, nếu mà xả bỏ là nhiều khắp nơi trên đại địa này, mới thành một vị Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được như ngày nay.

Còn mình thì tin có một chỗ sung sướng vô cùng, chui vô đó ở, như nhà có máy lạnh rồi ra thành Phật. Sao mà dễ tin như vậy? Tại vì ngu quá, không chịu coi kinh chứ sao. Rồi tham quá, không có học kinh mà nghe người ta nói, dụ dỗ, thấy sướng quá mà. Bây giờ không làm mà có ăn, ai chả thích. Nhưng khổ nỗi người ta làm chết mình.

Quý vị coi, không phải Phật Thích Ca [không thôi] đâu, mà Phật Ca Diếp cũng vậy, hãy giở Kinh A Hàm, Kinh Nikaya ra, coi thử các Đệ tử của Phật Ca Diếp, các Đệ tử của Phật Câu Lưu Tôn, Phật Tỳ Bà Thi, Phật Thi Khí, Phật Tỳ Xá Phù, cho đến những vị Phật trước đó như Phật Tích Sa. Coi những vị Phật như vậy, các Đệ tử của các Ngài đó tu như thế nào? Mình làm gì hơn các Ngài được. Cả các Ngài đó lẫn các Đệ tử của các Ngài vẫn phải đi trong luân hồi như vậy. Mà bây giờ có người tuyên truyền là có pháp môn khác thù thắng hơn Đức Phật, mà vẫn tin được. Mình ngu nên bị lừa, thật sự là mình quá tham, mình tham thành tựu. Bây giờ không dám bỏ, không dám tìm hiểu, không dám đọc kinh. Nếu là người có trách nhiệm với giải thoát sanh tử, người đó phải tự tìm, phải tìm cho rõ. Nghe ông thầy Trang nói như vậy, phải tìm coi ông nói đúng hay không? Chưa gì hết, chưa coi Kinh mà dám nói ổng sai. Mình phải tìm hiểu thử coi, bên đó nói như vậy, không phải một mình ổng, mà cả thế giới người ta nói mà. Như vậy mình phải tìm hiểu để coi thử coi, thì người đó mới gọi là có trách nhiệm

với sự tu tập của bản thân, có trách nhiệm mới không sợ đọa lạc, chứ lỡ nói sai thì sao? Lỡ mình đi theo Đại thừa, mà đúng như ông thầy Trang nói, bây giờ lại phỉ báng lại Chánh giáo của Đức Phật, mình lại tuyên truyền Tà kiến ngoại đạo là Pháp môn Tịnh độ đó. Như vậy mai mốt mình đọa vào Địa ngục A Tỳ thì sao? Quý vị nghĩ kỹ coi, quý vị không sợ à?

Cho nên là tham quá và đầu óc u tối, không chịu tìm hiểu thì chịu thôi. Những người như vậy là không có căn lành. Nói chung là Tà kiến, nghiệp sâu quá, không có cách nào cứu được, đành chịu thôi. Duyên mỗi người, mỗi khác. Nghiệp duyên trong vòng sanh tử, nhiều đời huân tập cái gì, gọi là khuynh hướng tâm lý mình đi theo hướng nào quen rồi, thì bây giờ tiếp tục đi theo đó. Cho nên chịu thôi, không có cách nào.

Trong khi đó pháp môn để giải thoát sanh tử rất dễ. Hôm nay đăng cho quý vị đúng không ạ? Trong Kinh Tương Ưng, thật ra bài kinh nào cũng nói, mấy chục lần, Đức Phật nói công thức rất dễ để chứng quả. Đó là công thức gì? Đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức… đủ các kiểu. Nhưng quý vị chọn một cái thôi, cái nào làm một cái thôi. Ví dụ hôm nay đăng cho quý vị, đối với Sắc, đối với Thức. Thức là gì? Có sáu Thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, đối với từng cái như vậy mà quý vị thấy cái đó nó là vô thường, là biến hoại, đổi khác. Người nào mà tin, hiểu rõ ràng được điều đó, người đó được gọi là Tùy tín hành. Người đó đã vượt khỏi địa vị phàm phu, đã nhập vào địa vị của Thánh nhân, người đó sẽ không làm những nghiệp gì mà do những nghiệp đó sẽ đưa họ vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Người đó không thể chết mà không thể chứng quả Dự

lưu (Tu-đà-hoàn). Chứng quả A-la-hán thì khó, nhưng chứng quả Tu-đà-hoàn chỉ vậy.

Rồi đối với các pháp nào Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức hoặc là mắt, tai mũi, lưỡi, thân, chỉ cần tin, hiểu rõ ràng đó là vô thường, là biến hoại, là đổi khác, không phải là ta. Người đó với như vậy thôi là đã Tuỳ tín hành rồi. Và người đó chắc chắn không đoạ đường ác, người đó không thể chết mà không chứng Tu-đà-hoàn. Và nếu như người nào có thêm một chút kham nhẫn, Thiền quán, quán về vấn đề đó sâu sắc, thì người đó được gọi là Tùy pháp hành, đã vượt khỏi địa vị phàm phu, đã vào địa vị Thánh nhân. Và người đó không thể làm những việc ác để đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Người đó không thể mạng chung mà không chứng quả Tu-đà-hoàn. Và nếu ai thấy rõ, không phải tin nữa mà thấy rõ hoàn toàn luôn (thấy rõ thì tất nhiên là tin rồi), thấy trực tiếp bằng điều đó thì người đó là Tu-đà-hoàn, chỉ còn tối đa bảy lần trong cõi Trời Người, rồi cứu cánh thoát khổ.

Trong kinh nói tiêu chuẩn vào Tu-đà-hoàn dễ như vậy, mà không tin. Pháp môn một đời chứng Tu-đà-hoàn đó, sao không tu đi, Phật nói mà không tin. Đức Phật nói mấy chục lần trong kinh, chứ đâu phải một lần đâu. Cả Kinh A Hàm, và Nikaya, quý vị giở bất cứ bộ kinh nào cũng có. Kinh Tạp A Hàm, Kinh Tăng Nhất A Hàm, Kinh Trường A Hàm, Kinh Trung A Hàm hoặc là 5 bộ kinh Nikaya: Kinh Trường Bộ, Tiểu Bộ, Trung Bộ, Tương Ưng bộ, Tăng Chi v.v… đều có [nói] hết. Kinh nào một hồi cũng nói vậy, đối với những điều đó.

Mà tiếc là bản dịch bây giờ nói tóm tắt quá. Dịch bài đầu tiên, bài nói về Sắc, sau đó cứ tương tự như trên. Trong khi đó lập ra mười mấy bài như thế, mà chỉ đổi một chữ thôi, cứ tương tự như trên. Thật tế là đâu phải đâu quý vị, rất quan trọng.

Cho nên là phải nghe những lời trong kinh thì mới hiểu được. Còn không nghe, thấy ông nào nói ngược với mình là mình chỉ trích. Thời Đức Phật, Đức Phật nói: Đây là Tà kiến, đây là Chánh kiến; ông này tà, ông kia tà, Đức Phật vẫn nói. Mỗi tôn giáo, mỗi nhận thức, ai muốn theo bên nào thì theo. Người nào cùng Chánh kiến thì nghe, còn không cùng thì không cần nghe. Tự nhiên quý vị vô nhà Thiên chúa, vô nhà thờ rồi quý vị chửi họ, chỉ có những người khùng mới làm việc đó, đúng không ạ? Ở bên Tôn giáo nào, niềm tin nào, mỗi người có một niềm tin, đó là quyền tự do tín ngưỡng của họ. Tất nhiên, họ phải đề cao tôn giáo của họ. Còn mình là người tu, nếu mình có trách nhiệm thì mình phải suy xét cho kỹ. Mình đã theo Phật giáo Nguyên thủy thì mình tin Phật giáo Nguyên thủy. Qua bên Đại thừa thì người ta chê Phật giáo Nguyên thủy là Tiểu thừa, vậy sao không qua bên Đại thừa chửi họ đi? Rồi qua bên Thiên chúa, họ nói Chúa là nhất, hay qua bên Thánh Alah, sao quý vị không vô đó chửi?

Cho nên đó là sai. Chúng sanh thì tụ theo giới, duyên ở đâu thì chúng ta theo đó. Còn ai không đồng tình với quan điểm này thì cứ đi theo đường của mình. Vì đó là quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tín ngưỡng mỗi người đều theo. Còn nói là không chỉ trích, thì là sai. Không phải chỉ trích, mà là nói đúng sự thật. Còn ai không tin thì đó là chuyện của họ. Đó là trả lời cho quý vị nào bình luận lung tung đó nha!

Cho nên có nhiều người không hiểu, không học, thì tự về tìm hiểu thêm. Vị nào muốn hiểu thì tự tìm hiểu cho cặn kẽ. Đây là nói hết mình, vì lòng từ mà nói. Cho nên những người nào chưa tỉnh giấc, còn mê say trong những pháp môn dụ dỗ đó, thì cứ từ từ tìm hiểu. Còn không tìm hiểu thì cũng không sao hết, đó là quyền của quý vị, quý vị có thể tin theo những gì mình muốn. Quý vị cứ tu đi, chứ mai mốt chết rồi là hết một đời. Nếu còn đủ duyên thì quý vị sẽ nhận ra: thế là sai rồi. Còn những người không tu mà cứ vô chửi, bây giờ có những nhóm chuyên đi chửi để kiếm tiền. Giống như được thuê bảo vệ cho mấy pháp môn đó, cho nên vô đây chửi để kiếm tiền, thì thôi xin miễn bàn, cũng không có trách nha!

Như vậy ở đây Đức Phật nói:

(1) trong cái thấy, chỉ là cái thấy (tức là thấy thì đừng dính mắc trong đó);

(2) trong cái nghe, chỉ là cái nghe;

(3) trong cái cảm thọ, chỉ là cái cảm thọ;

(4) trong cái nhận thức, chỉ là cái nhận thức.

Bốn điều đó, tức là không có dính mắt, thì tự nhiên "sẽ không bởi vì cái ấy" (là không có bị dính mắt), do không bị cái đó cho nên không có ở trong đó (tức là mình không vướng, hay là không có cái ta ở trong đó), hiểu như vậy. Cho nên sẽ không có đời này, không có đời sau, không có giữa hai đời ấy. Hoặc là không có trong đó, không có ngoài đó, không có khoảng giữa đó, tức là không có cái ngã. Có hai ý hiểu, ở đây ngài Minh Châu dịch theo ý nghĩa là: Không có đời này (tức là không có ta ở đời này), không có ta ở đời sau và không có ta ở đời giữa, điều nào cũng được. Như vậy là

chấm dứt khổ đau, chấm dứt sanh tử, đơn giản vậy thôi! Đây là câu chuyện của ngài Bahiya, hồi trước chúng ta có dẫn rồi.

[Đoạn 10: Ngài Māluṅkyaputta báo cáo sự hiểu]

- Bạch Thế Tôn, lời giảng vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu một cách rộng rãi như sau:

1. Thấy sắc, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến sắc an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại, từ sắc sinh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy,
Như vậy, khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.

Vị này căn cơ rất cao, nghe xong thì hiểu luôn, nên tổng kết về Sắc: Nếu thấy Sắc mà niệm mê say (quan trọng là niệm mê say nha); từ đó tác ý đến ái tướng (cho nên có tướng là yêu ghét); Tâm thì tham đắm cảm thọ (thấy dễ chịu); Tham luyến sắc an trú (tham luyến an trú trong sắc); thì vị ấy thọ tăng trưởng (cảm thọ tăng thêm); Nhiều loại, từ sắc sinh (sinh ra nhiều loại, là do sắc sinh); Đó là tham dục và hại tâm; Não hại tâm vị ấy; Như vậy, khổ tích lũy; Được gọi xa Niết-bàn (càng xa Niết-bàn hơn. Đây là

con đường đi ngược lại với Niết-bàn). Cho nên đối với sắc là phải không có tham.

2. Nghe tiếng, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến tiếng an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại, từ tiếng sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy,
Như vậy, khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.

Giống như trên, ở trên thì nói về sắc, ở dưới thì nói về âm thanh. Nếu nghe âm thanh mà bắt đầu mê say (niệm mê say), từ đó tác ý đến tướng thích ưa ghét, từ đó tham đắm trong thọ, tham luyến và tăng thêm thọ nữa (cảm thọ tăng thêm), rồi từ đó sanh ra nhiều loại, nào là tham dục, hại tâm, não tâm v.v… từ đó khổ tích lũy càng nhiều và xa Niết-bàn. Cho nên muốn gần Niết-bàn thì phải đi ngược lại.

Tương tự đối với hương, [vị, xúc] cũng vậy.

3. Ngửi hương, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến tiếng an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,

Nhiều loại, từ tiếng sanh,

Tham dục và hại tâm,

Não hại tâm vị ấy,

Như vậy, khổ tích lũy,

Được gọi xa Niết-bàn.

4. Nếm vị, niệm mê say,

Tác ý đến ái tướng,

Tâm tham đắm cảm thọ,

Tham luyến vị an trú.

Vị ấy, thọ tăng trưởng,

Nhiều loại, từ vị sanh,

Tham dục và hại tâm,

Não hại tâm vị ấy,

Như vậy, khổ tích lũy,

Được gọi xa Niết-bàn.

5. Xúc chạm, niệm mê say,

Tác ý đến ái tướng,

Tâm tham đắm cảm thọ,

Tham luyến xúc an trú.

Vị ấy, thọ tăng trưởng,

Nhiều loại, từ xúc sanh,

Tham dục và hại tâm,

Não hại tâm vị ấy,

Như vậy, khổ tích lũy,

Được gọi xa Niết-bàn.

Ngài Minh Châu dịch là cảm xúc, nhưng chúng ta hiểu xúc là xúc chạm. Ví dụ mình chạm vào nước thì cảm thấy êm, dễ chịu, mát mẻ, hoặc là nóng, ấm ấm, dễ chịu, thì từ đó niệm mê say, tức là cảm thấy mê thích, từ đó dính tướng ái, cảm thọ tăng trưởng thêm. Từ đó mới tham luyến, rồi sinh ra những tham dục, não hại tâm và khổ tăng thêm, được gọi là xa Niết-bàn.

6. Biết pháp, niệm mê say,

Tác ý đến ái tướng

Tâm tham đắm cảm thọ,

Tham luyến pháp an trú.

Vị ấy, thọ tăng trưởng,

Nhiều loại, từ pháp sanh,

Tham dục và hại tâm,

Não hại tâm vị ấy,

Như vậy, khổ tích lũy,

Được gọi xa Niết-bàn.

Đoạn sau là đổi ngược lại, để gần Niết-Bàn.

7. Vị ấy không tham sắc,

Thấy sắc, không ái luyến,

Tâm không dính cảm thọ,

Không luyến sắc an trú.

Theo sắc, vị ấy thấy,

Tùy sắc, thọ cảm giác,

Tiêu mòn, không tích lũy,

Như vậy, chánh niệm hành,

Như vậy, khổ không chứa.

Được gọi gần Niết-bàn.

Đây là công thức để tu. Tức là đối với sắc thì không có tham, thấy sắc thì không có ái luyến. Sắc ở đây là hình sắc, chứ không phải sắc đẹp nam nữ. Sắc đẹp nam nữ dính tới mấy thứ, vừa có sắc, vừa có thọ, vừa có xúc v.v… đủ các kiểu. Tâm không dính cảm thọ; Không luyến sắc an trú (an trú trong sự không có luyến sắc); Theo sắc, vị ấy thấy; Tùy sắc, thọ cảm giác; Tiêu mòn, không tích lũy (tức là đừng có tích lũy tham ái); Như vậy, chánh niệm hành (chánh niệm hành là hành chánh niệm); Như vậy, khổ không chứa; Được gọi gần Niết-bàn.

Tương tự:

8. Vị ấy không tham tiếng,

Nghe tiếng, không ái luyến,

Tâm không dính cảm thọ,

Không luyến tiếng an trú.

Theo tiếng, vị ấy nghe,

Tùy tiếng, thọ cảm giác.

Tiêu mòn, không tích lũy,

Như vậy, chánh niệm hành,

Như vậy, khổ không chứa,

Được gọi gần Niết-bàn.

9. Vị ấy không tham hương,

Ngửi hương, không ái luyến,

Tâm không dính cảm thọ,

Không luyến hương an trú.

Theo hương, vị ấy ngửi,

Tùy hương, thọ cảm giác,

Tiêu mòn, không tích lũy,

Như vậy, chánh niệm hành,

Như vậy, khổ không chứa.

Được gọi gần Niết-bàn.

Tương tự đối với vị, chúng ta đọc nhanh, quý vị có thể về nghiền ngẫm để thực hành.

10. Vị ấy không tham vị,

Nếm vị, không ái luyến,

Tâm không dính cảm thọ,

Không luyến vị an trú.

Theo vị, vị ấy nếm.

Tùy vị, thọ cảm giác,

Tiêu mòn, không tích lũy,

Như vậy, chánh niệm hành,

Như vậy, khổ không chứa.

Được gọi gần Niết-bàn.

Tiếp theo là xúc.

11. Vị ấy không tham xúc,
Xúc chạm, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến xúc an trú,
Theo xúc, vị ấy cảm,
Tùy xúc, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy, chánh niệm hành,
Như vậy, khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.

12. Vị ấy không tham pháp,
Biết pháp, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến pháp an trú.
Theo pháp, vị ấy cảm,
Tùy pháp, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy, chánh niệm hành,
Như vậy, khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn, lời Thế Tôn nói vắn tắt này, con hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Quý vị thấy, vị Tỳ-kheo này rất tuyệt vời, mặc dù Đức Phật nói ngắn gọn nhưng ổng đã hiểu và ổng báo cáo nguyên bài kệ. Bài kệ 12 điều [về] Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp (6 điều đi vào luân hồi và 6 điều đi ngược lại luân hồi).

Thật ra mình đối với Sắc, đối với Âm thanh, đối với Mùi hương, đối với Vị, đối với Xúc ở trên thân và đối với Pháp, thì chỉ cần đừng có luyến ái, đừng có dính mắc, chạy theo khổ ghét (ghét hay không ghét, yêu thích hay không), như vậy là con đường gần Niết-bàn. Cho nên tu chỉ vậy thôi, không cần tu gì ghê gớm đâu, đơn giản.

[Đoạn 11: Đức Phật xác nhận lời báo cáo của ngài Māluṅkyaputta]

- Lành thay, lành thay, này Māluṅkyaputta! Lành thay, này Māluṅkyaputta, lời nói vắn tắt của Ta, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi:

Tức là Đức Phật xác nhận lại, Đức Phật đọc lại y chang như vậy.

1. Thấy sắc, niệm mê say,

Tác ý đến ái tướng,

Tâm tham đắm cảm thọ,

.....

Thì đọc lại hết 12 bài kệ như vậy. Ở đây, trong bảng in ra thì cũng viết tóm tắt, chứ không có viết lại như Kinh Nikaya hay Kinh A Hàm. Đặc biệt

là Kinh Nikaya hay viết lặp lại rất nhiều, thì chúng ta không cần phải đọc lại nha!

Lời nói vắn tắt này của Ta, này Māluṅkyaputta, ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. (Tức là Đức Phật nói như vậy).

[Đoạn 12: Tôn giả Māluṅkyaputta lãnh thọ, thực hành, chứng A-la-hán]

Rồi Tôn giả Māluṅkyaputta, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi ra đi.

Rồi Tôn giả Māluṅkyaputta sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, chứng được mục đích mà các thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Và Tôn giả Māluṅkyaputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

Quý vị thấy không ạ? Chỉ một bài kinh như thế thôi là đủ để chứng thành một vị A-la-hán rồi. Bởi vì người ta tu tập, người ta chỉ cần nắm cốt lõi, đúng không ạ? Bây giờ mình tu không được cái cốt lõi, mình bắt đầu tu lòng vòng, lòng vòng hơn để vô điều cốt lõi. Nếu như ai hiểu được cao thì chỉ cần "trong cái thấy chỉ là thấy, trong cái nghe chỉ là nghe" thôi. Nếu không làm được thì phải tu hạ xuống Tứ niệm xứ. Tứ niệm xứ không tu

được nữa, thì bắt đầu phải đọc bài kinh Thân Hành Niệm để thực hành Thân hành niệm. Rồi bài Kinh An Trú Tầm; rồi bài kinh về niệm hơi thở, bài kinh trong Kinh Trung Bộ "Tức Nhập Tức Xuất" (không nhớ là kinh số bao nhiêu, nhưng nói chung là trong Kinh Trung Bộ). Những bài kinh đó cũng được quy về, thật ra tất cả đều tu quay quanh vấn đề Tứ niệm xứ.

[Có người] hỏi "tu làm sao?" Nếu quý vị không nghe nữa, bao lâu nay giảng bao nhiêu bài rồi, quý vị còn hỏi "tu làm sao nữa?" Thì quý vị nghe lại bài cũ, đâu phải nói một câu mà tu được. Nếu quý vị nghe một câu mà tu được, thì quý vị thành A-la-hán như ngài Bahiya rồi. Quý vị lên Niết-bàn rồi, cần gì ngồi đây. Còn những người không tu được, nghe tới nghe lui, nghe cả bao nhiêu buổi rồi vẫn không hiểu thì quý vị phải từ từ nghiên cứu.

Bắt đầu là phải vô đề mục niệm hơi thở thế nào, thân hành niệm thế nào, quán thân trên thân thế nào, quán thọ trên thọ thế nào, quán pháp trên pháp thế nào, quán tâm trên tâm như thế nào. Rồi học từ từ. Nếu không hiểu nữa thì bắt đầu phải học Vi Diệu Pháp, học nhiều, học để hiểu từng khía cạnh của vấn đề. Khi hiểu rồi thì quý vị mới hành được. Chứ quý vị nghe còn không hiểu nữa mà, nghe Sắc là gì cũng không hiểu, Thọ là gì, Tưởng là gì, Hành là gì, Thức là gì cũng không hiểu. Ngũ uẩn không hiểu thì làm sao hành được, đúng không ạ?

Cho nên khi mình không có một căn bản thì mình không biết gì để tu tập cả, thì cứ chịu khó học thôi. Mỗi người phải chịu khó, tự thắp đuốc lên mà đi. Pháp thì trên mạng đầy người giảng, quý vị có duyên với sư nào, thầy nào, cô nào, ai giảng kinh thì cứ nghe. Rồi thỉnh thoảng mở Kinh Nikaya, Kinh A Hàm ra coi. Coi rồi nghe, rồi nghiền ngẫm. Đức Phật nói

nghe phải tư duy, tư duy rồi đem thảo luận, gọi là tùy thời nghe pháp, tùy thời đàm luận pháp. Rồi phải thực hành Thiền chỉ, tu 40 đề mục Thiền chỉ đó. Lựa coi những đề mục nào phù hợp mà mình tu được. Rồi tu Thiền quán.

Tu như vậy thì mới chứng chứ, dễ gì quý vị chứng liền được. Đó là những người căn cơ sâu dày, còn không thì mình phải thực hành từ từ. Mỗi người phải tự nỗ lực lên mà đi, không có ai giải thoát cho ai hết. Đức Phật chỉ là duyên, kinh sách chỉ là duyên, để giúp cho người củng cố kiến thức. Từ kiến thức đó gọi là Trí văn. Từ Trí văn đó, quý vị phải suy tư, phải nghiềm ngẫm, nói chung phải [đam mê]. Thế gian người ta nói là: *"Muốn thành công một nghề nào đó là phải đam mê"*. Bây giờ mình muốn thành công trong Phật giáo thì phải đam mê với Phật giáo. Đó, thì mình đam mê đã, sau sự đam mê đó thì may ra mới thành công. Nhiều người đam mê nhưng cũng không có thành công, quý vị hiểu chưa ạ? Chưa thành công liền được đâu. Cho nên là tùy căn cơ. Người ta thành công là do người ta tu nhiều đời nhiều kiếp rồi, đời này tu nữa cho nên thành công. Còn nhiều khi mình tu chưa tới thì cũng chưa thành công, hoặc là mình tu đời này chưa đủ. Nói đơn giản là *'tu đúng và đủ thì sẽ thành công'*. Còn thành công lúc nào thì bao giờ đủ [sẽ thành công], còn bây giờ chưa đủ thì chưa thành công.

Còn pháp tu thì quá trời, niệm hơi thở vô thế nào, thở ra thế nào. Mỗi pháp đó không [thôi] mà học mất mấy buổi chưa xong. Rồi thế nào là quán tâm trên tâm. Như tâm có tham, biết là tâm có tham; tâm không tham, biết là tâm không tham; tâm sân, biết tâm sân. Thế nào là tâm tham? Không biết rồi! Thế nào là tâm sân? Không biết luôn đúng không? Khó chịu là sân, buồn

tủi là sân, trách móc là sân, cái gì là sân? Tại vì sao? Phàm phu thì sân chứ gì nữa, phải Tam quả A-na-hàm mới hết sân. Tham là gì? Mình phải hiểu tham là sự dính mắc.

Rồi si là gì? Si thì có hai Tâm si theo Vi diệu pháp: Một là Tâm si hợp phóng dật, tức là tâm chạy lung tung; Hai là Tâm si hợp hoài nghi. Hoài nghi là sao? Là nghi ngờ. Nghi ngờ thì có một trời thứ đúng không? Nghi ngờ thế gian, nghi ngờ Phật giáo, nghi ngờ v.v…

Ví dụ, bây giờ nhiều đồng tu không biết pháp tu nào nên theo. Đó là nghi ngờ, tâm hoài nghi đúng chưa? Quý vị không biết là nghe thầy Thiện Trang này nói có đúng không? Hay là nghe thầy Tịnh Không kia nói đúng. Hoặc là nói "đâu có biết", thì đó là nghi. Tất nhiên sự nghi đó là bình thường, người mà không nghi thì không phải là người. Cho nên là bên Bắc truyền có câu: *"Tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ"*. Tại sao? Tiểu nghi thì mình phải tìm cho ra cái nghi đó. Đại nghi đại ngộ là mình tìm, lục tung kinh điển. Hồi trước đây cũng vậy, mình thấy nghi ngờ: Ủa sao bên này nói đường, còn bên kia nói nẻo? Lời ngài Pháp sư Tịnh Không nói vậy, mà sao kinh nói vậy? Mình mới tìm ra coi thử ai đúng ai sai, kinh nói đúng hay ngài Tịnh Không nói đúng. Rồi từ từ mình thấy: "À, hóa ra không phải! Nguyên cái dàn này…" Rồi từ đó mình lại nghi ngờ giữa kinh Nguyên thủy với kinh Đại thừa, Kinh A Hàm với kinh Đại thừa, kinh nào đúng?

Đó, thì mình nghi ngờ, sao không có nghi ngờ được? Nghi chứ! Mình nghi ngờ thì càng [phải] tìm ra, [để] giải hết cái nghi. Bây giờ thì không có gì nghi ngờ nữa, bây giờ khẳng định đâu là lời Đức Phật nói, đâu là lời của ngoại đạo gắn vào, biết hết rồi, không nghi nữa. Còn quý vị còn chưa có

duyệt kinh, quý vị chưa coi hết Kinh A Hàm, coi chưa hết Kinh Nikaya, chưa coi hết kinh điển Đại thừa, nên quý vị có biết gì đâu. Còn như chúng tôi đây, chúng tôi đã coi hết rồi, coi cả bao nhiêu bộ luận Đại thừa, Tiểu thừa, coi quá trời, Vi Diệu Pháp coi hết rồi. Mười mấy năm qua toàn là dành hết thời gian để coi, coi rất nhiều. Dành thời gian biết bao nhiêu để coi, học, thực hành trong đó. Rồi bây giờ thấy rồi, không còn gì nghi ngờ nữa.

Còn những người chưa có tự mình trải nghiệm, con đường đó mình chưa đi thì tất nhiên mình có nghi ngờ, mình có phân vân. Cho nên khuyên quý vị: Thay vì nghi ngờ, phân vân, vô chửi người ta, hãy tự mình mày mò tìm đi. Khi nào quý vị đi như chúng tôi đã đi, con đường quý vị đi đủ, thì quý vị sẽ tự động xác định đây là lời Phật, đây là lời của những người đời sau bịa vô. Quý vị tự xác định, không cần [ai chỉ cho đâu]. Ngài Minh Châu, ngài cũng nói vậy: Chúng tôi không cần phải khẳng định đây là lời Phật hay đây là lời của người đời sau. Mà đó là trách nhiệm của độc giả, độc giả tự đọc tự hiểu.

Cũng vậy, quý vị là những người nghe pháp, quý vị là những người đọc pháp, quý vị cố gắng thử trắc nghiệm. Đây là gợi ý nha! Mình có tin hay không là chuyện của mình, mình có quyền tin hay không tin. Mỗi người có một niềm tin khác nhau, không ai ép người khác, chỉ có phân tích cho, gọi là tiết kiệm con đường. Giống người giáo viên, người ta có quyền chỉ cho bài toán này: Giải kiểu này dài lắm, đi vòng vòng này lâu lắm. Vô giải trực tiếp như thế này đi em, giải như [vậy là] xong. Ngày xưa mình giải toán đó, có bài viết phương trình đường tròn, chẳng hạn như vậy, hoặc là

tính tích phân như vậy v.v… giải như vậy dài lắm, [có cách] giải ngắn này chỉ cho quý vị, tin hay không thì thực hành thử mới biết chứ (quý vị phải giải).

Nhưng trong thế gian nhiều khi không có thời gian để thực hành hết, thì bây giờ mình cứ thực hành một vài năm, cứ thực hành đi rồi biết. Đức Phật nói: "**Đến để mà thấy**", tức là Pháp này là thực hành, kiểm nghiệm. Và nếu ai chưa thực hành kiểm nghiệm, mới vô mà tin một trường phái nào đó, nếu tin đúng thì hên, còn nếu tin sai thì coi như đời này xui, đơn giản vậy thôi.

Bây giờ chúng ta vào tóm tắt bài Kinh này:

Tóm tắt bài Kinh số 35.95 trong Kinh Tương Ưng

Đức Phật lấy một đối tượng chưa từng đi vào tiến trình kinh nghiệm, hiện cũng không được kinh nghiệm và cũng không được mong cầu, rồi hỏi: đối với nó có dục, tham, khát ái hay **không?**

Ngài Māluṅkyaputta trả lời: không.

Đức Phật lần lượt áp dụng điều này đối với sáu căn và sáu đối tượng: Sắc đối với mắt, Âm thanh đối với tai, Hương đối với mũi, Vị đối với lưỡi, Xúc đối với thân và pháp đối với Ý thức.

Từ đó, Đức Phật dạy Ngài Māluṅkyaputta:

(1) Trong cái thấy, chỉ là cái thấy;

(2) Trong cái nghe, chỉ là cái nghe;

(3) Trong cái cảm thọ, chỉ là cái cảm thọ;

(4) Trong cái nhận thức, chỉ là cái nhận thức.

Điều này không có nghĩa là mắt không còn thấy, tai không còn nghe, hay cảm thọ không còn sinh khởi. Phần kệ phía sau của chính bài kinh cho thấy cảm thọ vẫn có, nhưng vấn đề nằm ở chỗ tâm có dính mắc vào cảm thọ và tham luyến đối tượng hay không.

Khi thấy sắc mà niệm mê say, tác ý đến ái tướng, (đây là trong bài kệ đó) **tâm tham đắm cảm thọ và tham luyến sắc, thì các cảm thọ tăng trưởng, tham dục và hại tâm phát sinh. Đức Phật gọi đó là:**

"**Khổ tích lũy** (tức là tích luỹ khổ) — **xa Niết-bàn".**

Ngược lại, khi thấy sắc mà không ái luyến, tâm không dính cảm thọ, không tham luyến sắc (luyến ái)**, thì cảm thọ vẫn sinh khởi nhưng tiêu mòn, không tích lũy. Đức Phật gọi đó là:**

"**Khổ không chứa — gần Niết-bàn".**

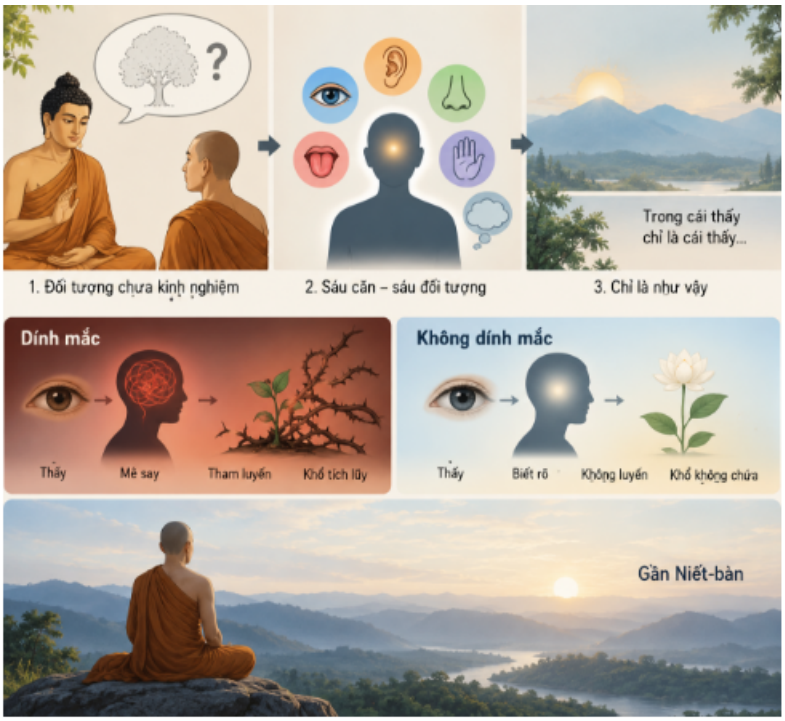
Như vậy đây là pháp tu nha, cố gắng khi thấy sắc mà không ái luyến, tâm không dính cảm thọ, không tham luyến sắc thì ok.

Điều tương tự cũng áp dụng đối với Thanh, Hương, Vị, Xúc và các Pháp được Ý thức nhận thức.

Như vậy, trọng tâm của bài kinh không phải là: không thấy, không nghe, không cảm thọ hay không nhận thức, mà là khi những kinh nghiệm ấy sinh khởi, tâm không mê say, không dính mắc vào cảm thọ và không tham luyến đối tượng.

Đức Phật kết luận rằng khi đối với cái thấy, cái nghe, cái cảm thọ và cái nhận thức mà chỉ như vậy, thì không [bị chi phối] vì cái ấy; do không [bị chi phối] vì cái ấy, nên không ở trong đó; và đây là sự chấm dứt khổ đau.

Sau khi nhận lời giáo giới vắn tắt này, Tôn giả Māluṅkyaputta thực hành sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu sau, Ngài tự mình chứng ngộ cứu cánh Phạm hạnh và trở thành một vị A-la-hán.



Kinh này như vậy thôi. Tóm lại quý vị chỉ cần nhớ '*đối tượng chưa kinh nghiệm*', tức là mình chưa bao giờ trải qua, thì chắc chắn mình không có ham muốn, vì sáu căn chưa có tiếp xúc. Nhưng mục tiêu là khi tiếp xúc thì '*trong cái thấy chỉ là cái thấy*'. Ví dụ như [ở hình trên] vẽ hình mặt trời, ao hồ... thấy đó nhưng đừng có ham thích chỗ đó hay ghét bỏ, thì đều là dính mắc. Nếu dính mắc thì sẽ đưa đến tích lũy khổ; còn không dính mắc thì sẽ thấy rõ, biết rõ, không có luyến ái thì sẽ không có chứa khổ, và sẽ gần Niết-bàn. Cuối cùng chứng quả vị A-la-hán. Nội dung chỉ có nhiêu đó.

Như vậy đây là pháp tu đúng không ạ? Những điều này thật ra tương ưng với Thiền tông Đại thừa. Quý vị thấy Thiền tông Đại thừa triển khai từ đây, gọi là cố gắng không khởi tâm, không động niệm nữa. Nhưng thực tế

không phải không khởi tâm không động niệm, họ dùng từ đó dễ hiểu sai. Tức là không có dính mắc, chứ không phải là không khởi tâm, không động niệm. Vẫn khởi tâm chứ, vẫn nhận thức, vẫn biết chứ, nhưng chỉ là không có dính mắc, tức là không có sự tác ý về tham. Không tham, không sân. Không tham thì tất nhiên không sân, hai cái đối ngược nhau thôi. Không tham, không sân là được, là ok.

Như vậy hôm nay chúng ta chia sẻ đến đây, quý vị nếu có thắc mắc gì thì thứ Bảy này chúng ta có Học Phật Vấn Đáp, quý vị sẽ hỏi, hẹn quý vị khi khác. Bây giờ chúng ta xin hồi hướng:

Chúng con nguyện đem công đức có được trong thời pháp hôm nay xin hội hướng đến chư Thiên, chư Thần trú ngụ tại nơi đây, cũng như chư Thiên, Tứ Thiên Vương, Đế Thích, Đao Lợi, Phạm Thiên, mong các ngài hoan hỷ lãnh thọ.

Chúng con cũng nguyện đem công đức này hồi hướng đến tất cả thân bằng quyến thuộc của chúng con trong nhiều đời nhiều kiếp. Nguyện tất cả đều sớm chứng Đạo giải thoát.